

ÁP DỤNG MOODLE ĐỐI VỚI VIỆC DẠY HỌC MÔN NGHE - NÓI CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH BẠC ĐẠI HỌC

Nguyễn Hồng Liên* và Lê Thị Minh Nguyệt
Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Dựa trên lý thuyết của mô hình lớp học đảo ngược, bài báo này nghiên cứu những lợi ích và khó khăn của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh của một trường đại học khi sử dụng học liệu điện tử được xây dựng trên Moodle đối với việc học môn *Nghe - Nói*, trong bối cảnh những đề tài về chủ đề này chưa được khai thác nhiều ở môi trường đại học Việt Nam. Sử dụng phiếu khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu, nghiên cứu đã ghi nhận được những lợi ích và khó khăn mà sinh viên có được sau bốn tuần trải nghiệm sử dụng Moodle, cũng như những góp ý để cải thiện học liệu điện tử này. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, sinh viên đánh giá tích cực đối với học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói* khi bộ học liệu này giúp tiết kiệm thời gian học tập trên lớp, tạo môi trường học tập tiếng Anh hay các nội dung học tập cụ thể hữu ích với sinh viên. Tuy nhiên, những tồn tại như các vấn đề kỹ thuật, khối lượng bài tập lớn hay một số nội dung chưa phù hợp khiến cho một số sinh viên dè dặt trong việc mong muốn sử dụng hệ thống quản lý học tập như Moodle trong các khóa học tương lai.

Từ khóa: Moodle, Nghe Nói, mô hình lớp học đảo ngược, hệ thống quản lý học tập.

1. Mở đầu

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học ngoại ngữ với hệ thống học liệu điện tử để sinh viên có thể tiếp cận, đặc biệt trong phát triển kỹ năng nghe và kỹ năng nói là nhu cầu thiết yếu đang được ngày càng chú trọng. Vấn đề này đã được đề cập trong Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 [1]. Bên cạnh đó, hình thức lớp học đảo ngược (Flipped learning) – mô hình yêu cầu người học phải nghiên cứu tài liệu trước và sau khi lên lớp đang ngày càng trở nên phổ biến (Jeong, 2017) [2]. Đối với hình thức này, thời gian học tích cực của người học sẽ được tăng lên, đảm bảo thời gian tiếp xúc với các ngữ liệu tiếng Anh ngoài giờ học truyền thống (Kim và Jeong, 2016) [3].

Vì vậy, nghiên cứu này đề xuất việc áp dụng Moodle trong việc xây dựng học liệu trực tuyến đối với môn *Nghe - Nói* 5 cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh. Theo thông tin trên trang web chính thức của Moodle [4], Moodle là một hệ thống quản lý học tập (Learning Management System) cho phép tạo các khóa học trực tuyến.

Trên thế giới, việc sử dụng Moodle trong các môn học khá phổ biến. Năm 2012, Singhasem và cộng sự ở Thái Lan [5] sử dụng video clip trên Moodle đối với môn Tâm lý để minh họa các nội dung, từ đó giúp người học ghi nhớ kiến thức. Ở Indonesia, vào năm 2018, Handayanto và đồng nghiệp [6] cũng nghiên cứu hiệu quả của Moodle trong việc dạy môn Toán.

Ngày nhận bài: 11/11/2019. Ngày sửa bài: 17/12/2019. Ngày nhận đăng: 2/1/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyen Hong Lien. Địa chỉ e-mail: nguyenhonglien@hnue.edu.vn

Kết quả chỉ ra sinh viên đã tăng điểm trong bài thi cuối kì. Về giảng dạy tiếng Anh, Rymanovaa và cộng sự ở Nga [7] vào năm 2015 cũng nghiên cứu việc áp dụng Moodle trong việc dạy học. Tuy nhiên nghiên cứu này chỉ dừng lại ở việc học sinh đồng ý hay không đồng ý với hình thức sử dụng Moodle trong dạy học, mà chưa phân tích được hiệu quả của Moodle với việc dạy học. Năm 2019, Yafaei và Attamimi ở Oman [8] tiến hành nghiên cứu tương tự nhưng từ góc nhìn của giáo viên.

Ở Việt Nam, năm 2015, tác giả Nguyễn Thế Dũng [9] trình bày những thách thức và khả năng ứng dụng của mô hình lớp học đảo ngược đối với sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật. Tuy nhiên, nghiên cứu này sử dụng nền tảng elearning của trường Đại học Sư phạm Huế. Đến năm 2018, học giả Nguyen [10] nghiên cứu về các ứng dụng, phần mềm trong đó có Moodle mà các giảng viên đại học sử dụng sau khi tham gia chương trình tập huấn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nghiên cứu này lấy số liệu thông qua phỏng vấn đối với 20 giáo viên; tuy vậy nghiên cứu bao quát nhiều ứng dụng, phần mềm mà chưa tập trung phân tích tác dụng của Moodle cụ thể. Cùng năm đó, Phan [11] nghiên cứu việc dạy học phần Biên dịch qua Moodle ở Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế và kết quả đã chỉ ra rằng Moodle giúp tăng động cơ học tập của sinh viên và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Như vậy, các đề tài ở Việt Nam tìm hiểu ảnh hưởng của Moodle đối với việc học và dạy tiếng Anh, đặc biệt với kỹ năng Nghe Nói chưa được nghiên cứu chi tiết. Vì vậy, bài báo này sẽ giúp ích cho các giảng viên cũng như sinh viên ở các trường đại học Việt Nam có một góc nhìn cụ thể về hệ thống quản lý Moodle đối với việc dạy học môn *Nghe - Nói*, từ đó áp dụng vào từng trường hợp.

Mục tiêu của nghiên cứu hướng tới đánh giá mức độ phù hợp của học liệu trực tuyến được xây dựng trên nền tảng Moodle trong việc dạy học môn *Nghe - Nói 5* của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh ở một trường đại học. Để đạt được mục tiêu nêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

- (1) Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có được những lợi ích gì khi sử dụng học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5*?
- (2) Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh gặp những khó khăn gì khi sử dụng học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5*?
- (3) Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có gợi ý gì để cải thiện học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5*?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mô hình lớp học đảo ngược

Theo Lage, Platt và Treglia [12], mô hình lớp học đảo ngược là “chuyển đổi những hoạt động trong lớp ra ngoài lớp và ngược lại” (2000, tr32). Mô hình lớp học đảo ngược có thể được chia thành ba giai đoạn: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, các hoạt động trong lớp học và củng cố sau khi lên lớp (Kong, 2014 [13]; Kong, 2015 [14]). Nội dung học tập trước khi đến lớp được thiết kế trên các hệ thống quản lý học tập và có thể bao gồm các hình thức công nghệ thông tin đa dạng như video, các bài đọc (Jeong, 2017) [2], phần mềm Powerpoint với giọng bình luận của người dạy (Lê Thị Minh Thanh, 2016) [15]... Sau đó, ở trên lớp, các hoạt động học tập sẽ diễn ra, bao gồm thảo luận, tranh luận, trình bày, đi sâu vào các nội dung đã được chuẩn bị trước đó. (Estes, Ingram, & Liu, 2014 [16]; Tucker, 2012 [17]). Cuối cùng, việc củng cố kiến thức sau khi lên lớp yêu cầu người học ôn tập, luyện tập lại các kiến thức, cho phép người học có thêm thời gian học ngoài lớp học. (Warter-Perez và Dong, 2012) [18].

Bishop và Verleger (2013) [19] cho rằng, mô hình lớp học đảo ngược sẽ giúp cho việc học trên lớp tập trung vào người học với các hoạt động học tập tích cực. Chính vì vậy, mô hình có

nhiều ưu điểm như tốc độ học do người học quyết định, thời gian ở trên lớp dành cho người học nhiều hơn, các tính năng đa dạng khi chuẩn bị bài trước khi đến lớp (Nguyễn Hoài Nam và Nguyễn Thái Giang, 2017) [20] và người học có xu hướng tích cực tham gia và nhiệt tình trong quá trình học hơn (O’Flaherty và Phillips, 2015) [21]. Nghiên cứu này được tiến hành dựa trên lý thuyết của mô hình lớp học đảo ngược và sử dụng Moodle làm nền tảng cho giai đoạn chuẩn bị bài trước khi lên lớp và sự củng cố sau khi lên lớp.

2.2. Các tính năng của Moodle được sử dụng trong học liệu trực tuyến đối với môn Nghe - Nói 5

Theo Brandle (2005) [22], Moodle là một hệ thống quản lý học tập nơi mà giáo viên có thể thiết kế các hoạt động trực tuyến. Moodle có nhiều tính năng như đăng tải các tài liệu học, tổ chức thảo luận trực tuyến, thiết kế các bài kiểm tra, thu thập tiểu luận,... (Suppasetserree và Dennis, 2010) [23]. Moodle có khả năng hỗ trợ tối đa đối với lớp học truyền thống (Baskerville và Robb, 2005) [24] khi mà những nội dung này có sự tương đồng chặt chẽ với nội dung học tập ở trên lớp. (Yafaei và Attamimi 2019) [8]

Trang Moodle của học liệu trực tuyến môn *Nghe - Nói 5* trong đề tài này được thiết kế theo từng tuần học, với chủ đề tương đương với chủ đề mà sinh viên được học trên lớp trực tiếp. Mỗi tuần học/ mô-đun được phân chia thành các mục: Quiz, Video Time, Exam Practice, Vocabulary Corner Presentation, và Vocabulary Corner Revision. Các phần này được xây dựng và thiết kế một cách thống nhất giữa các tuần, giúp sinh viên dễ theo dõi và tìm kiếm các nội dung học tập theo từng chủ đề theo tuần. Nội dung mỗi mô-đun gồm các tính năng Quiz, Forum, Assignment, File và URL, được tóm tắt ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Bảng tóm tắt các nội dung học tập của học liệu điện tử trên Moodle cho môn Nghe - Nói 5 của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh

Nội dung học tập	Mô tả	Thời gian sử dụng	Ghi chú
Quiz (Bài kiểm tra ngắn)	Trước khi làm Quiz, sinh viên cần hoàn thành bài tập từ vựng do giáo viên giao trước đó. Mỗi phần Quiz gồm 20 câu hỏi về từ vựng liên quan đến chủ đề của mỗi tuần mà sinh viên đã tự học. Dạng thức của câu hỏi bao gồm điền từ vào chỗ trống, câu hỏi trắc nghiệm, đúng sai, bài tập nối. Sinh viên có 10 phút để hoàn thành.	Trước khi đến lớp	Tính năng của Moodle: Quiz
Video Time (Tóm tắt video)	Video Time yêu cầu sinh viên tóm tắt một video kéo dài 2-3 phút, có chủ đề liên quan đến mỗi tuần học. Sinh viên sẽ ghi hình phần tóm tắt và nộp bài trên hệ thống. Các video được chọn lọc trên Youtube, thuộc chuỗi video TEDTalks.	Trước khi đến lớp	Tính năng của Moodle: Assignment
Exam Practice (Luyện tập câu hỏi kiểm tra)	Exam Practice là phần luyện tập trả lời các câu hỏi theo dạng thi. Sinh viên sẽ trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập ở trên lớp, nhằm luyện tập và sử dụng các kiến thức đã được học. Sinh viên sẽ ghi hình phần này và nộp bài trên hệ thống. Ngoài ra, mỗi sinh viên sẽ xem và góp ý về bài của một sinh viên khác trong lớp.	Sau khi học trên lớp	Tính năng của Moodle: Forum
Vocabulary Corner	Mỗi nhóm phụ trách một tuần sẽ trình bày 10 từ/cụm từ liên quan đến chủ đề ở trên lớp. Đây	Sau khi học trên	Tính năng của

Presentation (Bài trình bày từ vựng)	là phần đăng bài trình bày của nhóm. Sinh viên muốn xem lại bài trình bày từ vựng có thể tải xuống.	lớp	Moodle: File
Vocabulary Corner Revision (Luyện tập từ vựng)	Nhóm phụ trách Vocabulary Corner Presentation sẽ thiết kế bài ôn tập trên ứng dụng Quizlet để sinh viên tự ôn tập ở nhà, sau khi được giới thiệu ở trên lớp.	Sau khi học trên lớp	Tính năng của Moodle: URL

Tất cả những mô-đun đều có điều kiện tiên quyết. Cụ thể, sinh viên cần hoàn thành tất cả các hoạt động của một mô-đun trước khi chuyển sang mô-đun tiếp theo.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên lí thuyết của hình thức lớp học đảo ngược, đề tài này phân tích tính hiệu quả của việc áp dụng học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5* đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.

2.3.1. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh học môn *Nghe - Nói 5* có sử dụng học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle. Đối tượng tham gia bao gồm 48 sinh viên, được chia thành hai lớp, đang học năm thứ 3 ở khoa Tiếng Anh ở một trường đại học. Trình độ của sinh viên đang ở B1+ hoặc B2 theo Khung tham chiếu năng lực ngôn ngữ (CEFR).

2.3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Dữ liệu của nghiên cứu sẽ được thu thập thông qua phiếu khảo sát (questionnaire) và phỏng vấn bán cấu trúc (semi-structured interview). Phiếu khảo sát sẽ tập trung tìm hiểu các khía cạnh sự quen thuộc với mô hình dạy học đảo ngược của sinh viên, sự quen thuộc với Moodle của sinh viên (Khả năng truy cập Moodle, Mức độ tương tác khi sử dụng Moodle, Giao diện của Moodle, Nội dung học tập trên Moodle, và Đánh giá chung về trải nghiệm học tập Moodle). Các tiêu chí trong phiếu khảo sát được đánh giá dựa trên năm mức độ. Các câu hỏi khi phỏng vấn xoay quanh những lợi ích và khó khăn của sinh viên khi sử dụng Moodle trong quá trình học tập môn *Nghe - Nói 5*, từ đó góp ý để học liệu điện tử hoàn thiện hơn.

2.3.3. Quy trình tiến hành nghiên cứu

- Nội dung 1: Dạy thử nghiệm bộ học liệu trực tuyến đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh học môn *Nghe - Nói 5* trong bốn tuần.
- Nội dung 2: Khảo sát sự phù hợp của học liệu trực tuyến đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh trong việc học môn *Nghe - Nói 5* thông qua phiếu khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc
- Nội dung 3: Phân tích dữ liệu thu thập

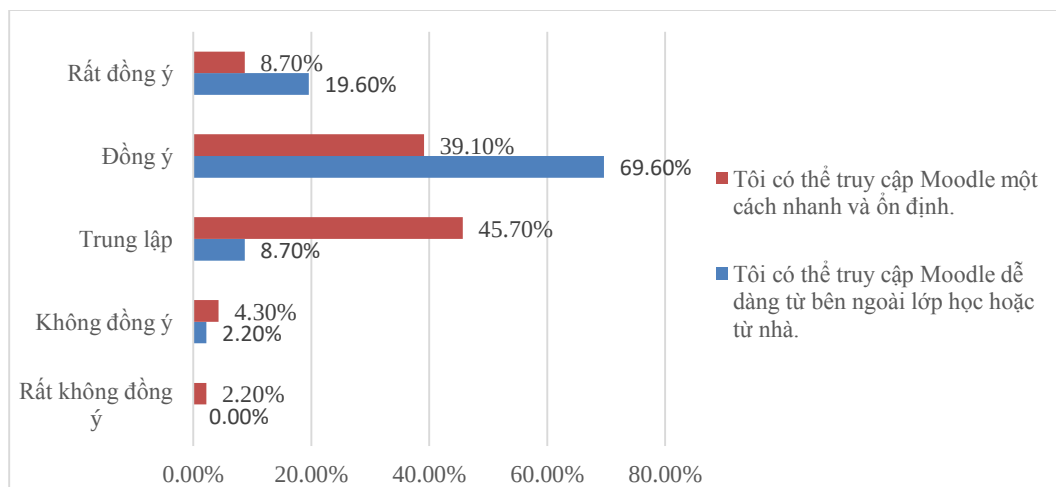
2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Về mức độ quen thuộc của sinh viên với các nền tảng học trực tuyến:

Nghiên cứu được thực hiện đối với sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ ba, nghĩa là đối tượng nghiên cứu đã có hai năm học trong môi trường đại học. Theo kết quả điều tra, có đến 83% sinh viên khẳng định đã từng sử dụng các nền tảng quản lí học tập trực tuyến trước đây, với những cái tên được nhắc đến nhiều lần là Google Classroom hay Seesaw. Đây có lẽ là các hệ thống quản lí học tập mà các giảng viên khác trong khoa Tiếng Anh đã sử dụng hoặc giới thiệu trong quá trình giảng dạy các môn cho sinh viên Khoa Anh. Do vậy, có đến 71% người học được hỏi trong điều tra cho biết họ khá quen thuộc hoặc rất quen thuộc đối với việc học trực tuyến.

Tuy nhiên, câu hỏi về việc học tập theo mô hình lớp học đảo ngược lại nhận được phản hồi tương đối trái ngược khi chỉ có 37% sinh viên cho biết đã từng học tập theo kiểu này. Kết quả này hoàn toàn tương thích với số liệu chỉ có 8% sinh viên được hỏi cho hay họ rất quen thuộc với mô hình lớp học đảo ngược và 40% khá quen thuộc. Như vậy là các kinh nghiệm hay kiến thức về hệ thống quản lý học tập chủ yếu đến từ việc mới được giới thiệu và sử dụng tách biệt với việc học tập trên lớp chứ chưa được sử dụng kết hợp với nội dung học chính thức trên lớp học trực tiếp. Cụ thể đối với phần mềm quản lý học tập Moodle, kết quả điều tra cho thấy phần mềm này còn rất xa lạ với sinh viên khoa Anh được hỏi, khi chỉ có 4% trả lời rằng họ đã từng sử dụng Moodle trước đây.

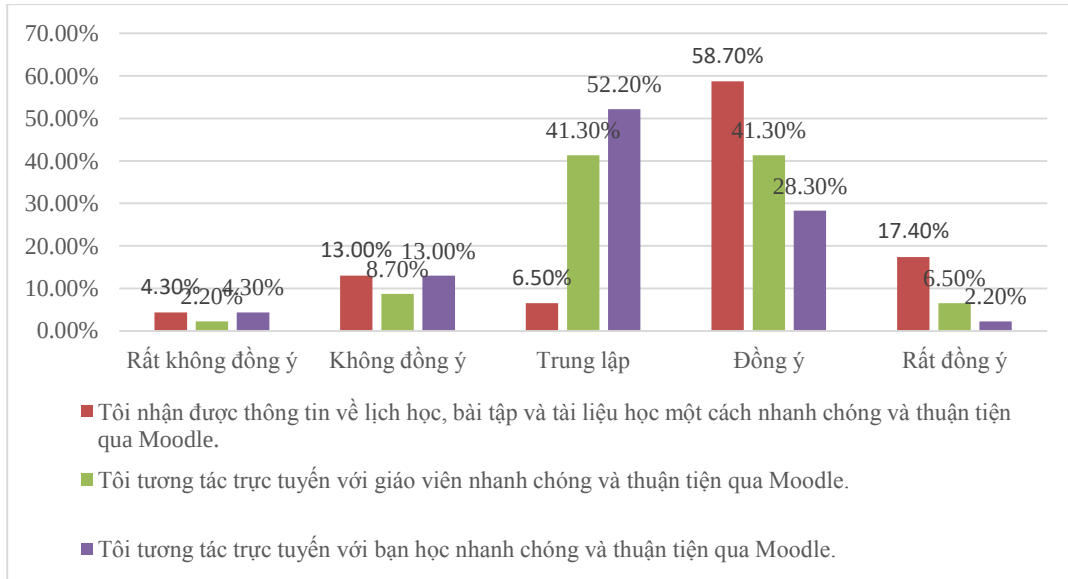
2.4.2. Đánh giá về khả năng truy cập, mức độ tương tác và giao diện của trang Moodle



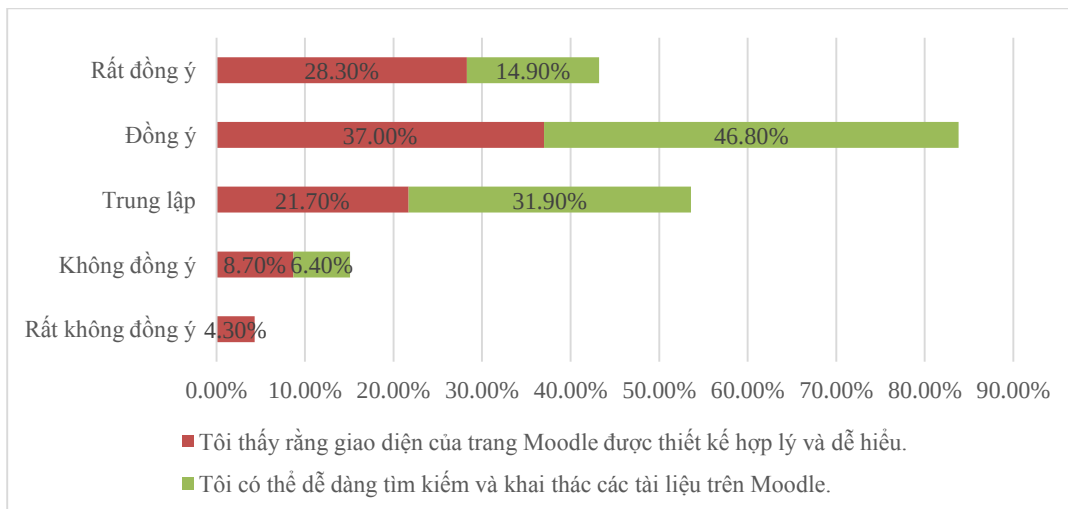
Hình 1. Đánh giá của sinh viên về khả năng truy cập Moodle

Liên quan đến khả năng truy cập vào trang học liệu trực tuyến được xây dựng trên nền tảng Moodle, có hai tiêu chí được xem xét liên quan đến khả năng truy cập và tốc độ truy cập. Trong đó, sinh viên có phản hồi tương đối tích cực đối với khả năng truy cập vào trang Moodle từ nhà (hay bên ngoài lớp học trực tiếp), với 89,2% người được hỏi đồng ý rằng việc truy cập vào Moodle là dễ dàng. Tuy nhiên, việc truy cập vào trang học liệu trực tuyến Moodle chỉ được đánh giá là nhanh và ổn định bởi 47,8% (người được hỏi chọn mức đồng ý và rất đồng ý). Có đến 45,7% chọn mức trung lập (neutral), cho thấy họ không thực sự đánh giá cao về tốc độ truy cập và chất lượng truy cập của trang học liệu Moodle này.

Xét đến khía cạnh tương tác trực tuyến trên Moodle, có 3 tiêu chí được điều tra: khả năng và tốc độ cập nhật thông tin về lịch học, bài tập và tài liệu học tập; khả năng tương tác với giáo viên trực tuyến và tương tác với bạn học trực tuyến. Có đến 76,1% sinh viên được hỏi đồng ý và rất đồng ý rằng trang Moodle giúp họ nhận được thông tin về lịch học, bài tập và tài liệu học một cách nhanh chóng và thuận tiện. Đây là một phản hồi tích cực so với kết quả thu được liên quan đến khả năng tương tác trực tuyến với giáo viên và bạn học. Có đến 41,3% sinh viên được hỏi đánh giá khả năng tương tác với giáo viên trực tuyến chỉ ở mức trung bình và đến 52,2% đánh giá tương tự đối với khả năng tương tác với bạn học trực tiếp trên trang Moodle. Điều này phần nào được phản ánh trong quá trình thử nghiệm trang Moodle, khi mà rất ít khi giáo viên – chính là các tác giả nghiên cứu, nhận được phản hồi trực tiếp bằng cách đưa ra nhận xét trên trang Moodle từ phía sinh viên khi đưa ra các thông báo hay cập nhật bài tập mới. Trong hầu hết các trường hợp, sinh viên chọn cách gửi thư điện tử cho giáo viên. Việc giao tiếp giữa sinh viên với nhau lại càng ít được ghi nhận, chủ yếu trong quá trình nhận xét phần Exam Practice.



Hình 2. Đánh giá của sinh viên về mức độ tương tác khi sử dụng Moodle



Hình 3. Đánh giá của sinh viên về giao diện của Moodle

Về giao diện của trang Moodle được sử dụng trong chương trình thử nghiệm này, nhìn chung đánh giá của sinh viên được hỏi là tương đối tích cực. Nếu xét tổng cộng hai mức đánh giá tốt nhất là đồng ý và rất đồng ý, có 65,3% và 61,7% số sinh viên tham gia điều tra khẳng định rằng giao diện của trang Moodle được thiết kế hợp lý và dễ hiểu, giúp họ dễ tìm kiếm và khai thác thông tin.

2.4.3. Đánh giá về các nội dung học tập trên Moodle

Trong nghiên cứu này, trang Moodle được sử dụng với mục đích cung cấp một tài liệu hỗ trợ tự học và quản lý việc tự học của sinh viên. Do vậy, một nội dung quan trọng chủ yếu của bảng hỏi là để sinh viên đánh giá tính hiệu quả của trang Moodle trong việc thực hiện mục đích này. Sinh viên được yêu cầu đánh giá chung về nội dung các học liệu được cung cấp trên trang Moodle và đánh giá cụ thể về tính hiệu quả của từng mục được xây dựng trong mỗi bài học theo từng chủ đề trên trang Moodle.

Bảng 2. Đánh giá của sinh viên về các nội dung học tập trên Moodle

STT	Các tiêu chí	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
8	Tôi thấy rằng Moodle hữu ích trong việc khai thác thông tin và ngữ liệu bài học cũng như cập nhập các thông tin mới liên quan đến lớp học.	2,20%	15,20%	19,60%	43,50%	19,60%
9	Tôi thấy rằng nội dung của các tài liệu học trực tuyến, bài tập và bài kiểm tra phù hợp với chủ đề bài học và lời cuốn.	0,00%	2,20%	35,60%	51,10%	11,10%
10	Tôi thấy rằng nội dung của các ngữ liệu trên trang Moodle hữu ích đối với việc học tập của tôi.	0,00%	11,40%	31,40%	48,60%	8,60%
11	Tôi thấy mục Quiz có ích trong việc ôn tập và ghi nhớ từ vựng mới.	0,00%	11,10%	35,60%	40,00%	13,30%
12	Tôi thấy mục Video Time giúp tôi nâng cao kỹ năng nghe.	2,10%	6,40%	38,30%	38,30%	14,90%
13	Tôi thấy mục Video Time giúp tôi nâng cao kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng tóm tắt thông tin.	2,00%	2,00%	30,60%	44,90%	20,40%
14	Tôi thấy mục Exam Practice giúp tôi nâng cao kỹ năng nói.	0,00%	2,20%	20,00%	57,80%	20,00%
15	Tôi thấy rằng mục Exam Practice giúp tôi nâng cao kỹ năng làm bài thi nói.	2,20%	2,20%	23,90%	56,50%	15,20%
16	Tôi thấy rằng mục Vocabulary Corner Presentation và Revision giúp tôi bổ sung và ôn tập vốn từ vựng.	0,00%	2,20%	26,10%	56,50%	15,20%

Xét một cách tổng thể, kết quả đánh giá của sinh viên tham gia quá trình thử nghiệm với Moodle về các nội dung học liệu trực tuyến là tương đối tích cực. Kết quả điều tra cho thấy, tỉ lệ người được hỏi đánh giá tích cực (mức đồng ý và rất đồng ý) về nội dung và tác động của các mục được xây dựng và sử dụng trên trang Moodle đối với tất cả 9 tiêu chí trong phần này đều vượt mức 50%.

Nhìn nhận một cách chung, có 63,1% sinh viên được hỏi đánh giá Moodle hữu ích trong việc khai thác thông tin và ngữ liệu bài học cũng như cập nhập các thông tin mới liên quan đến lớp học. 62,2% cho rằng nội dung của các tài liệu học trực tuyến, bài tập và bài kiểm tra phù hợp với chủ đề bài học và thú vị lôi cuốn. Đồng thời, 57,2% sinh viên tham gia nghiên cứu đánh giá nội dung của các ngữ liệu trên trang Moodle hữu ích đối với việc học tập nói chung của họ.

Tuy nhiên, có thể thấy một tỉ lệ tương đối đáng kể sinh viên có đánh giá trung lập về nội dung của các tài liệu học tập trực tuyến này. Có 19,6% sinh viên chọn mức trung lập đối với việc Moodle hữu ích trong việc truy cập thông tin và cập nhật những thay đổi về bài tập hay lịch học. Điều này cũng được phản ánh trong các câu trả lời phỏng vấn của họ rằng những thay đổi về thời hạn của bài tập về nhà không được Moodle tự động cập nhật và thông báo đến sinh viên khiến họ không nắm bắt được các thay đổi này kịp thời. Một vài số liệu khác nữa cũng được ghi nhận trong phần này là có 35,6% và 31,4% sinh viên chọn mức trung lập với các tiêu chí 9 và 10 cho rằng nội dung của các tài liệu học tập trực tuyến, bài tập và bài kiểm tra hữu ích, phù hợp hay lỗi cuốn. Đánh giá này phần nào được lí giải qua các câu trả lời phỏng vấn khi một số sinh viên nói rằng phần kiến thức trong phần Vocabulary Corner Presentation và Vocabulary Corner Revision đã được trình bày trên lớp học trực tiếp và được họ ghi lại để học và sử dụng nên không có tác dụng với việc học ở nhà của họ nữa.

Các nhận định cụ thể đối với từng mục nội dung được thể hiện trong các tiêu chí từ 11 đến 16 trong bảng hỏi và cụ thể hơn nữa trong phần phỏng vấn đối với sinh viên. Đồng thời, sinh viên cũng được yêu cầu đánh giá tác động của từng mục nội dung của các bài học trên thang từ thấp đến cao tương đương từ 1 đến 5. Kết quả đánh giá của hai phần này đã thể hiện độ tương thích khá cao.

Bảng 3. Đánh giá tác động của các nội dung học tập trên Moodle đối với việc học tập của sinh viên

Các nội dung học tập	1	2	3	4	5
Vocabulary Corner Presentation	0,0%	2,2%	22,2%	66,7%	8,9%
Vocabulary Corner Revision	2,2%	8,9%	31,1%	42,2%	15,6%
Quiz	2,3%	13,6%	34,1%	34,1%	15,9%
Video Time	4,4%	4,4%	44,4%	31,1%	15,6%
Exam Practice	0,0%	2,2%	15,6%	46,7%	35,6%

Cụ thể, mục được đánh giá có tác động mạnh đến hiệu quả học tập bởi nhiều sinh viên nhất là Exam Practice với 82,3% người tham gia điều tra chọn mức tác động 4 và 5 cho mục này. Phần đánh giá về hiệu quả của mục Exam Practice cũng cho thấy kết quả rất tích cực khi có 77,8% sinh viên đồng ý hoặc rất đồng ý rằng mục này rất hữu ích trong việc cải thiện kĩ năng nói và 71,7% sinh viên chọn đồng ý và rất đồng ý rằng Exam Practice giúp họ nâng cao kĩ năng làm bài thi nói. Đây chính là mục đích của các tác giả nghiên cứu khi xây dựng định dạng của phần Exam Practice. Sinh viên được hướng dẫn các kĩ năng trả lời câu hỏi phần thi Nói trên lớp và luyện tập cơ bản, sau đó, khi luyện tập thêm ở nhà với Moodle, họ được yêu cầu chọn 1 câu hỏi trong tài liệu học trên lớp để trả lời và thu âm lại câu trả lời của họ và tải lên phần Exam Practice trên trang Moodle. Sau đó, giáo viên sẽ xem và đánh giá các câu trả lời của sinh viên và lấy điểm theo dõi quá trình cho kĩ năng Nói. Như vậy, sinh viên cần nắm được và áp dụng được các kĩ năng trả lời câu hỏi, các cấu trúc, từ vựng có liên quan và được giới thiệu cũng như tự học liên quan đến chủ đề từng tuần, cũng như việc kiểm soát thời gian cho từng câu trả lời.

Trong phần trả lời phỏng vấn, một số sinh viên đã khẳng định lại kết quả này khi cho rằng mục Exam Practice chính là phân mang lại nhiều lợi ích nhất cho việc học của họ vì việc hoàn thành phần bài tập trực tuyến này giúp họ:

“Có thể thu âm câu trả lời các những loại câu hỏi khác nhau, giúp luyện tập và cải thiện kỹ năng nói rất nhiều.”

“Việc bắt buộc phải sử dụng từ mới từ phần Vocab Corner Presentation và Video Time, giúp tăng ý thức luyện tập trước khi thu âm câu trả lời cuối cùng và sử dụng từ mới nhiều hơn.”

“Chuẩn bị từ mới và ý tưởng cho bài thi nói hàng tuần.”

“Biết về kì thi IELTS và luyện tập kỹ càng hơn.”

Mục nội dung nhận được nhiều đánh giá tích cực về tác động đến việc học của sinh viên thứ hai sau Exam Practice là Vocabulary Corner Presentation với 75,6% sinh viên được hỏi chọn mức 4 và 5. Tuy nhiên với Vocabulary Corner Revision thì chỉ có 57,8%, xếp thứ 3 trên 5 mục nội dung Moodle. Trong bảng hỏi, có 71,7% sinh viên đồng ý và rất đồng ý rằng mục Vocabulary Corner Presentation và Revisions hữu ích trong việc bổ sung và ôn tập vốn từ vựng của họ.

Trong khi đó, có một nửa số sinh viên được hỏi đánh giá cao tác động của phần Quiz trong việc học tập của họ (chọn mức tác động 4 và 5), khá tương đồng với kết quả 53,3% số người được hỏi cho rằng mục Quiz hàng tuần giúp họ ôn tập và ghi nhớ từ vựng mới. Trong phần phỏng vấn, các ý kiến đánh giá đối với mục Quiz cũng ghi nhận cả xu hướng tích cực và tiêu cực. Một cách tích cực, một số sinh viên khẳng định rằng việc làm bài kiểm tra hàng tuần giúp họ mở rộng vốn từ để sử dụng trong bài nói, các dạng câu hỏi rất đa dạng phong phú. Trong khi một số khác đánh giá tương đối tiêu cực rằng một số câu hỏi của bài kiểm tra không liên quan đến chủ đề bài học, mức độ khó của các bài tập đôi khi không ổn định và một số dạng câu hỏi gây khó hiểu cho người làm bài.

Cuối cùng, Video Time là mục nội dung nhận được đánh giá thấp nhất về tác động đến việc học của sinh viên khi chỉ có 46,7% người tham gia điều tra chọn mức tác động 4 và 5 cho mục nội dung này. Tuy vậy, theo kết quả từ bảng hỏi, Video Time vẫn nhận được đánh giá khá tích cực từ sinh viên khi có 65,3% người được hỏi cho rằng các bài tập Video Time giúp họ nâng cao kỹ năng tư duy phân biện và kỹ năng tóm tắt thông tin. Đồng thời, 53,2% sinh viên cho rằng bài tập Video Time giúp họ cải thiện kỹ năng nghe. Kết quả phỏng vấn sinh viên cung cấp những giải thích cụ thể hơn cho kết quả bảng hỏi khi một số sinh viên nói rằng họ mất nhiều thời gian để có thể hoàn thành bài tập Video Times vì một số đoạn video được sử dụng khó hơn trình độ thực tế của họ và nội dung quá dài và khó tóm tắt. Tuy nhiên, các ý kiến tích cực nói rằng họ bị thu hút bởi nội dung của các đoạn video được chọn; bài tập Video Time giúp họ luyện tập kỹ năng nghe, cải thiện kỹ năng tư duy phân biện và tóm tắt thông tin cũng như kỹ năng nói khi thu âm đoạn video tóm tắt.

2.4.4. Đánh giá chung về trải nghiệm học tập với Moodle

Trong phiếu điều tra, sinh viên tham gia nghiên cứu cũng được yêu cầu đưa ra những đánh giá chung về trải nghiệm học tập với trang Moodle.

Bảng 4. Đánh giá của sinh viên về trải nghiệm học tập với Moodle

STT	Các tiêu chí	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
17	Tôi trở nên tự tin hơn khi sử dụng Moodle trong việc học tập trực tuyến.	2,10%	27,70%	36,20%	31,90%	2,10%
18	Tôi thấy rằng hiệu suất học tập của tôi được nâng cao nhờ sử dụng Moodle.	0,00%	20,00%	40,00%	33,30%	6,70%

19	Tôi thấy rằng tôi nâng cao khả năng sắp xếp việc học tập khi sử dụng Moodle.	2,10%	21,30%	36,20%	36,20%	4,30%
20	Tôi thấy rằng tôi nâng cao tính tự giác và kỷ luật trong việc tự học khi sử dụng Moodle.	2,20%	17,80%	15,60%	51,10%	13,30%
21	Tôi cảm thấy thoải mái với việc sử dụng Moodle trong việc học tự học.	6,10%	22,40%	36,70%	26,50%	8,20%
22	Tôi không gặp phải khó khăn gì trong việc hoàn thành các bài tập trên Moodle.	6,70%	26,70%	40,00%	20,00%	6,70%
23	Tôi chỉ sử dụng Moodle vì đó là yêu cầu của khóa học.	0,00%	16,70%	31,30%	45,80%	6,30%
24	Tôi mong muốn sử dụng Moodle trong những khoá học khác trong tương lai.	17,80%	13,30%	37,80%	24,40%	6,70%
25	Tôi thích phương pháp học tập kết hợp trực tuyến và truyền thống hơn là chỉ sử dụng Moodle.	0,00%	20,50%	38,60%	29,50%	11,40%

Tiêu chí nhận được sự đồng tình cao nhất của sinh viên là tiêu chí 20 khi có 64,4% số người được hỏi đồng ý và rất đồng ý với việc nâng cao tính tự giác và kỷ luật trong việc tự học khi sử dụng Moodle.. Việc này có thể lí giải được bởi lẽ với các bài tập trên Moodle, các sinh viên được yêu cầu phải hoàn thành bài tập trước thời hạn cụ thể và trong một khoảng thời gian giới hạn nhất định (ví dụ đối với bài kiểm tra trong phần Quiz là 10 phút). Do vậy, sinh viên buộc phải sắp xếp thời gian để hoàn thành các bài tập này nếu không các nội dung sẽ bị khoá lại sau thời hạn quy định và họ không thể hoàn thành bài tập đó được nữa.

Tuy vậy, các tiêu chí khác không nhận được phản hồi tích cực: chỉ có 34% sinh viên đồng ý và rất đồng ý rằng trải nghiệm học với Moodle giúp họ trở nên tự tin hơn khi học trực tuyến. 40% sinh viên đồng tình rằng hiệu suất học tập của họ được nâng cao nhờ sử dụng Moodle. 34,7% sinh viên cảm thấy thoải mái với việc sử dụng trang Moodle trong việc học tại nhà. Đáng chú ý, một tỉ lệ khá lớn sinh viên được hỏi không đồng ý rằng họ “không gặp phải khó khăn gì trong việc hoàn thành các bài tập trên trang Moodle”, lên đến 33,4%. 40% sinh viên đưa ra câu trả lời “trung lập” cho tiêu chí này và chỉ có 26,7% đồng ý hoặc rất đồng ý. Kết quả này cho thấy rằng đến gần 75% số sinh viên tham gia nghiên cứu gặp khó khăn ở một mức độ nhất định khi hoàn thành các bài tập trên trang Moodle. Những khó khăn này đã được giải thích và đề cập cụ thể hơn trong phần phỏng vấn với các sinh viên. Một số bất lợi được sinh viên đề cập đến nhiều lần trong những phỏng vấn này phải kể đến như:

“Các vấn đề kĩ thuật khi tải bài tập lên trang Moodle” hay “việc nộp bài và hoàn thành bài tập phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng đường truyền Internet”, “đôi khi không thể đăng nhập vào trang Moodle mặc dù đã nhập đúng tên người dùng và mật khẩu” ...

“Không có nhiều chức năng tương tác trực tuyến”;

“Quá nhiều bài tập trong một tuần” hay “mỗi mục lại có một thời hạn hoàn thành khác nhau gây ra sự nhầm lẫn hoặc khó hiểu cho người làm”;

“Moodle không tự động thông báo đến người học khi có thay đổi về thời hạn hoàn thành bài tập, do đó đôi khi sinh viên bị nhờ thời hạn và không hoàn thành được bài tập.”

Khi được hỏi về việc có muốn sử dụng công cụ Moodle trong những khoá học khác trong tương lai không, chỉ có 31,1% số sinh viên đưa ra câu trả lời đồng ý hoặc rất đồng ý, trong khi 37,8% chọn mức độ trung lập. Kết quả này đặt ra yêu cầu cải thiện hiệu quả của việc sử dụng công cụ Moodle trong các khoá học tiếp theo.

2.5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

2.5.1. Những lợi ích sinh viên có được khi sử dụng học liệu trực tuyến được xây dựng trên Moodle

Qua những kết quả điều tra nói trên, có thể thấy các lợi ích mà người học được hưởng khi sử dụng công cụ trực tuyến Moodle tương đối rõ ràng.

Đầu tiên, học liệu trực tuyến trên Moodle giúp sinh viên tiết kiệm thời gian học trên lớp, đặc biệt là thời gian làm bài kiểm tra và luyện tập từ mới cũng như kỹ năng nghe nói. Điều này đã được khẳng định trong nghiên cứu của Suppasetserree và Dennis vào năm 2010 [23].

Thứ hai, việc sử dụng Moodle cũng giúp sinh viên truy cập và cập nhật thông tin về tài liệu học tập, lịch học và bài tập về nhà một cách nhanh chóng và thuận tiện. Sinh viên có thể làm bài và nộp bài vào bất cứ thời gian nào phù hợp. Kết quả này phù hợp với kết luận của Jeong (2017) [2] khi người học trong nghiên cứu này cảm thấy hiệu quả khi họ có thể truy cập và học bất lúc nào và bất kì ở đâu.

Thứ ba, sinh viên có thể tự điều chỉnh tốc độ học và thời gian học sao cho phù hợp với nhu cầu, lịch trình và trình độ của mình. Các bài báo của Meyers (2016) [25], Estrada và cộng sự (2019) [26] cũng chỉ ra rằng việc tự nghiên cứu tài liệu sẽ tạo cho người học quyền chủ động và sự linh động trong quá trình học tập. Đặc biệt, điều này còn giúp người học hiểu sâu kiến thức, qua đó nâng cao khả năng phát triển các kỹ năng nhận thức bậc cao, mà cụ thể trong đề tài này là sinh viên trở nên tự tin hơn trong việc học tập và luyện tập kỹ năng nghe nói.

Thứ tư, học liệu điện tử trên Moodle cung cấp cho người học một công cụ quản lý học tập hữu ích với thời hạn hoàn thành cụ thể và thời gian hoàn thành cố định, giúp họ trở nên tự giác hơn và có tính kỉ luật cao hơn trong học tập. Việc có thời hạn hoàn thành cụ thể và điều kiện tiên quyết khi sử dụng Moodle giảm gánh nặng cho giáo viên khi phải tự mình ghi nhớ các mốc thời gian, nếu vẫn thực hiện theo lớp học truyền thống trước kia.

Thứ năm, sinh viên được giáo viên kiểm tra bài tập và nhận xét bài tập một cách thường xuyên và kĩ càng, giúp họ tạo ra những cải thiện và tiến bộ trong học tập. Tuy nhiên, hoạt động này cũng làm tăng lên đáng kể khối lượng công việc của giáo viên hàng tuần.

Thứ sáu, các nội dung trên trang Moodle được xây dựng công phu và tạo ra một môi trường học tập toàn diện tích hợp cả bốn kỹ năng ngôn ngữ Nghe Nói Đọc Viết, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh, đặc biệt là Nghe Nói. Nội dung của các mục này được chọn lọc kĩ càng, phù hợp với chủ đề bài học và gây được hứng thú cho người học. Điều này phù hợp với kết luận trong nghiên cứu của He và đồng nghiệp (2016) [27] và Muir và Vince (2015) [28]. Khi sinh viên có hứng thú với môn học, môi trường học năng động cũng sẽ được hình thành (Estrada và cộng sự, 2019). [26]

Thứ bảy, đối với từng nội dung học tập, mục Exam Practice được đánh giá cao trong việc giúp sinh viên luyện tập và nâng cao kỹ năng Nói và kỹ năng làm bài thi Nói. Phần Vocabulary Corner Presentation giúp sinh viên mở rộng vốn từ và ôn tập từ vựng theo chủ đề. Mục Quiz hàng tuần hữu ích trong việc giúp sinh viên tự giác học và ghi nhớ từ vựng trong khi phần Video Time giúp sinh viên nâng cao kỹ năng Nghe và kỹ năng tổng hợp thông tin một cách phân biệt và tóm tắt thông tin.

2.5.2 Những khó khăn sinh viên gặp phải khi sử dụng học liệu trực tuyến được xây dựng trên Moodle

Bên cạnh những lợi ích được ghi nhận từ việc sử dụng trang Moodle trong học tập môn

Nghe - Nói 5, các sinh viên cũng đã đề cập đến nhiều khó khăn mà họ gặp phải.

Thứ nhất, các vấn đề liên quan đến kỹ thuật khi sử dụng Moodle đôi khi cản trở việc hoàn thành các bài tập trên trang Moodle đúng hạn như chất lượng truy cập kém nên mất nhiều thời gian để tải bài tập lên trang Moodle, đôi khi người học nhận được thư điện tử thông báo khi bạn học cùng lớp nộp bài, phiên bản Moodle trên máy tính khó theo dõi và tìm thông tin hơn phiên bản điện thoại di động thông minh. Việc dùng Moodle trên điện thoại hoặc máy tính bảng cũng nhận được đánh giá tích cực như trong đề tài của Liu (2013) [29].

Thứ hai, số lượng bài tập mỗi tuần đôi khi quá lớn. Betihavas et al. (2016) [30] đã chỉ ra rằng, không phải sinh viên nào cũng có thể dễ dàng thích ứng với mô hình học tập đảo ngược khi phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp và hoàn thành bài sau khi lên lớp trong một khoảng thời gian cố định. Bên cạnh đó, các nội dung với thời hạn hoàn thành khác nhau cũng khiến việc hoàn thành gặp khó khăn và sinh viên nhầm lẫn các thời hạn với nhau.

Thứ ba, một số bài kiểm tra trong phần Quiz có độ khó của câu hỏi chưa đồng đều, có lúc quá khó và thời gian 10 phút không đủ để sinh viên hoàn thành. Điều này có thể được lý giải được khi mà sinh viên chỉ có duy nhất một lần thực hiện Quiz. Số lần thực hiện quiz được cho là có ảnh hưởng đến điểm số và sự thoải mái lúc làm bài khi Cohen và Sasson (2016) [31] đã kết luận rằng, trong nghiên cứu của họ, 72% sinh viên thực hiện quiz nhiều lần và tăng điểm số. Khi biết được nhiều lần thực hiện quiz, sinh viên tự tin hơn khi làm bài. Tuy nhiên, mục đích của nhóm tác giả là yêu cầu sinh viên phải hoàn thành bài tập đã giao trước khi làm quiz, và quiz được coi như một công cụ để kiểm tra việc làm bài đó. Vì vậy, sinh viên sẽ chỉ có một lần để làm quiz.

Thứ tư, một số sinh viên cho rằng phần Vocabulary Corner Presentation và Revision không thực sự hữu ích vì các nội dung này đã được trình bày trên lớp trực tiếp và đã được họ ghi lại đầy đủ nên không cần phải đưa lên trang Moodle nữa. Tuy nhiên, mục đích của nhóm tác giả không chỉ là để sinh viên tự ôn lại mà còn là lưu trữ các tài liệu học tập để bất kỳ một sinh viên nào cũng được tiếp cận với nguồn tài nguyên học tập này bất cứ lúc nào.

Thứ năm, nhiều sinh viên cho rằng một số đoạn video của mục Video Time tương đối khó hiểu và khó tóm tắt so với trình độ của họ.

2.5.3. Các đề xuất cải thiện học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5* của sinh viên

Đề hướng tới nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng Moodle vào mô hình lớp học đảo ngược đối với môn *Nghe - Nói 5*, sau đây là một số đề xuất cải thiện được tổng hợp và chọn lọc.

Đối với hình thức trang Moodle, tuy đa phần đều có đánh giá tích cực về yếu tố này, nhưng vẫn có tỉ lệ nhỏ sinh viên cho rằng công cụ Moodle sẽ thu hút hơn nếu giao diện được trình bày đẹp hơn với màu sắc đa dạng hơn. Tuy nhiên, học viên trong nghiên cứu của Liu (2013) [29] lại cho rằng giao diện của Moodle tương đối đơn giản và rõ ràng, kể cả những người chưa có nhiều kinh nghiệm sử dụng công nghệ thông tin cũng có thể sử dụng được. Moodle nên cung cấp thêm các chức năng tương tác trực tiếp và nhanh chóng giữa giáo viên với sinh viên và giữa sinh viên với nhau. Học viên trong nghiên cứu này cũng nói rằng, ban đầu họ chỉ làm bài trên Moodle vì đó là yêu cầu của giáo viên vì thiếu tương tác trực tiếp khi người học chỉ cần làm việc với máy tính. Điều này làm giảm hứng thú học tập như trong lớp học truyền thống khi tất cả người học ngồi cùng nhau và cùng làm một hoạt động giống nhau.

Đối với các học liệu trực tuyến được xây dựng trên trang Moodle, sinh viên đề nghị giảm bớt khối lượng và số lượng bài tập cần hoàn thành trong tuần, tập trung nhiều hơn vào định dạng bài thi IELTS theo đúng nội dung chương trình học trên lớp và kéo dài thời hạn làm bài tập cho từng tuần. Điều này được thể hiện trong bảng hỏi khi có 85% sinh viên dành từ hai giờ mỗi tuần trở lên để hoàn thành khối lượng bài tập trên Moodle.

Cụ thể về từng mục, phần Quiz nên có thời gian làm bài dài hơn so với mức 10 phút hiện áp dụng và liên quan nhiều hơn đến chủ đề các tuần. Phần Vocabulary Revision nên bổ sung thêm các bài tập khác ngoài bài tập đã được các nhóm thuyết trình sử dụng trên lớp để giúp hoạt động này thú vị và hữu ích hơn. Một số sinh viên gợi ý bổ sung thêm một số trò chơi liên quan đến nội dung bài học. Phần Video Time nên được bổ sung phụ đề cho các đoạn video và chọn lọc kĩ hơn nữa các đoạn video sao cho phù hợp và thú vị hơn với sinh viên.

3. Kết luận

Dựa trên lí thuyết của mô hình lớp học đảo ngược, bài báo này nghiên cứu những lợi ích và khó khăn của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh của một trường đại học khi sử dụng học liệu điện tử được xây dựng trên Moodle trong việc học môn *Nghe - Nói 5*. Sau khi thu thập dữ liệu qua phiếu khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc, đề tài đã ghi nhận được những lợi ích và khó khăn mà sinh viên có được khi trải nghiệm sử dụng Moodle, cũng như những góp ý để cải thiện học liệu điện tử này. Nhìn chung, sinh viên đánh giá tích cực đối với học liệu trực tuyến xây dựng trên Moodle cho môn *Nghe - Nói 5*, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận sinh viên dẫn đầu trong việc mong muốn sử dụng hệ thống quản lí học tập như Moodle trong các khóa học tương lai.

Kết quả từ đề tài này cung cấp thêm một hình thức hỗ trợ học ngoại ngữ đối với bậc đại học ở Việt Nam, giúp người dạy và người học hướng tới mục tiêu đảm bảo chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh cũng như đáp ứng được việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học ngoại ngữ như Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 được phê duyệt. Đề tài cũng tổng hợp và tóm tắt những khía cạnh của hình thức lớp học đảo ngược trong việc học tập ngoại ngữ cũng như việc áp dụng Moodle trong việc hỗ trợ việc học môn *Nghe - Nói*. Đây là nguồn tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu có cùng định hướng sau này. Bên cạnh đó, về phương pháp, đề tài nhấn mạnh vào khả năng của công cụ nghiên cứu định lượng (phiếu khảo sát) và định tính (phỏng vấn bán cấu trúc) trong việc cung cấp dữ liệu để phân tích mức độ phù hợp của học liệu trực tuyến trên hệ thống quản lí học tập Moodle đối với môn học *Nghe - Nói 5* của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.

Đề tài sẽ là nền tảng để tiếp tục xây dựng các môn học khác của chuyên ngành tiếng Anh trên hệ thống quản lí học tập trực tuyến Moodle, từ đó tạo ra một bộ công cụ học tập trực tuyến chuyên sâu đối với việc dạy học ngoại ngữ ở các trường đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=192343
- [2] Jeong, K.O., 2017. The use of Moodle to enrich flipped learning for English as a foreign language education. *Journal of Theoretical and Applied Information Technology*, Vol 95 (18), pp 4845-4852.
- [3] Kim, H. S., and Jeong, K. O., 2016. *A Study on the Flipped Instructional Model to Support Active and Interactive Learning*. Proceedings of the 2016 PlatCon, Jeju, Korea, February 15-17, 2016, available at <http://ieeexplore.ieee.org/document/7456781/> moodle.org
- [4] Singhasem, P. et al, 2012. *The Effectiveness of learning from video clips: Case Study on Moodle Learning Management System*. The Proceedings of International e-Learning Conference 2012 (IEC2012) “Smart Innovations in Education and Lifelong Learning”.
- [5] Handayanto, A. et al, 2018. Teaching using Moodle in mathematics education. *Journal of Physics: Conf. Series* 1013, doi :10.1088/1742-6596/1013/1/012128

- [6] Rymanovaa, I. et al, 2015. E-course Based on the LMS Moodle for English Language Teaching: Development and Implementation of Results. *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 206, pp 236 – 240
- [7] Yafaei, Y.A. & Attamimi, R., 2019. Understanding Teachers' Integration of Moodle in EFL Classrooms: A Case Study. *English Language Teaching*, Vol. 12, No. 4
- [8] Nguyễn Thế Dũng, 2015. Nghiên cứu sử dụng mô hình lớp học đảo ngược những khó khăn thách thức và khả năng ứng dụng. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 60 (8D), tr. 85-92. DOI: 10.18173/2354-1075.2015-0258
- [9] Nguyen, T.H.N, 2018. *Vietnamese teacher's view on a large-scale professional development course on using computer-assisted language teaching*. In Hashimoto, K & Nguyen, V.T. (Eds) *Professional Development of English Language Teachers in Asia: Lessons from Japan and Vietnam*, New York, NY: Routledge.
- [10] Phan, T.T.T., 2018. Teaching translation modules using Moodle: A quantitative research at University of Foreign Languages, Hue University. *Journal of Inquiry into Languages and Cultures*, Vol. 2 (2).
- [11] Lage, M. J., Platt, G. J., & Treglia, M., 2000. Inverting the classroom: A gateway to creating an inclusive learning environment. *The Journal of Economic Education*, 31(1), 30-43.
- [12] Kong, S., 2014. Developing information literacy and critical thinking skills through domain knowledge learning in digital classrooms: An experience of practicing flipped classroom strategy. *Computers & Education*, 78, 160-173.
- [13] Kong, S., 2015. An experience of a three-year study on the development of critical thinking skills in flipped secondary classrooms with pedagogical and technological support. *Computers & Education*, 89, 16-31. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2015.08.017>
- [14] Lê Thị Minh Thanh, 2016. Xây dựng mô hình “Lớp học đảo ngược” ở trường đại học. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 61(3), trang 20-27. DOI: 10.18173/2354-1075.2016-0023
- [15] Estes. M., Ingram, R., & Liu, J., 2014. A review of flipped classroom research, practice, and technologies. *International HETL Review*, 4(7), pp 123-135. <https://doi.org/10.3991/ijet.v13i09.7792>
- [16] Tucker, B., 2012. The flipped classroom: Online instruction at home frees class time for learning. *Education Next*, 12(1), 82-83.
- [17] Warter-Perez, N., & Dong, J., 2012. *Flipping the Classroom: How to embed inquiry and design projects into a digital engineering lecture*. Paper Presented at the American Society for Engineering Education, PSN Section Cal Poly, San Luis Obispo.
- [18] Bishop, J. L., & Verleger, M. A., 2013. The Flipped Classroom: A Survey of the Research. 120th American Society for Engineering Education. *Annual Conference and Exposition*, 30, 1-18
- [19] Nguyễn Hoài Nam và Vũ Thái Giang, 2017. Mô hình lớp học đảo trình trong bồi dưỡng kỹ năng CNTT cho sinh viên sư phạm. *Khoa học Dạy nghề*. Số 43+44 tháng 4+5, tr.49-52.
- [20] O'Flaherty, J., & Craig P., 2015. The use of flipped classrooms in higher education: A scoping review. *Internet and Higher Education* 25: 85–95
- [21] Brandle, K., 2005. Are you ready to “MOODLE”? *Language Learning & Technology*. <http://llt.msu.edu/vol9num2/review1/> .
- [22] Suppasetseree, S. & Dennis, N., 2010. The Use of Moodle for Teaching and Learning English at Tertiary Level in Thailand. *The International Journal of the Humanities*. Vol 8 (6), pp29-46

- [23] Baskervill, B., & Robb, T., 2005. Using Moodle for Teaching Business English in a CALL environment. *PacALL Journal*, 1(1), 138-151. <http://www.pacall.org/Journal/V-1-1papers/Baskerville-Robb-moodle-teaching.pdf>.
- [24] Meyers, K. L., 2016. A course to promote informed selection of an engineering major using a partially flipped classroom model. *Journal STEM Education: Innovation and Research* 17: 14–21. Available online: <https://bit.ly/2DUzeo7>
- [25] Estrada, A.C.M, et al, 2019. Flipped Classroom to Improve University Student Centered Learning and Academic Performance. *Soc. Sci.* 2019, 8(11), 315; .<https://doi.org/10.3390/socsci8110315>
- [26] He, W., Amanda, H., George, F., and Mark, W., 2016. The effects of flipped instruction on out-of-class study time, exam performance, and student perceptions. *Learning and Instruction* 45: 61–71
- [27] Muir, T., & Vince G., 2015. The affordances of using a flipped classroom approach in the teaching of mathematics: A case study of a grade 10 mathematics class. *Mathematics Education Research Journal* 28: 149–71.
- [28] Liu, J., 2013. *E-learning in English classroom: Investigating factors impacting on ESL (English as Second Language) college students' acceptance and use of the Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment (Moodle)*. Graduate Theses and Dissertations. 13256. <https://lib.dr.iastate.edu/etd/13256>
- [29] Betihavas, V., Heather B., Rachel K., & Merylin C., 2016. The evidence for ‘flipping out’: A systematic review of the flipped classroom in nursing education. *Nurse Education Today* 38: 15–21
- [30] Cohen, D. & Sasson, I., 2016. Online quizzes in a virtual learning environment as a tool for formative assessment. *Journal of Technology and Science Education*, Vol 6, No 3, pp 188-208.

ABSTRACT

Facilitating Listening and Speaking skills for English majors at tertiary education through the use of moodle

Nguyen Hong Lien and Le Thi Minh Nguyet

Faculty of English, Hanoi National University of Education

Based on the theory of flipped learning, this paper studies the benefits and difficulties English majors at a university obtain after using the online Listening - Speaking course on Moodle in the context that this theme receives little investigation in Vietnamese tertiary education. By employing questionnaires and semi-structured interviews, the study collects data after experimenting the online Moodle course in a period of four weeks. The findings reveal the advantages of the Moodle course including saving in-class teaching and learning time, creating an English learning environment, or having useful contents. However, obstacles such as technical problems, huge workload or unsuitable exercises deter a number of students from wishing to use the learning management system in future courses.

Keywords: Moodle, Listening Speaking skill, flipped learning, learning management system.